

Số: *1558* /QĐ-UBND

Hoàn Kiếm, ngày *12* tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt kết quả tuyển dụng Kỳ xét tuyển viên chức
làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập
trực thuộc UBND quận Hoàn Kiếm năm 2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ
quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND
thành phố Hà Nội ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, công
chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc
Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 5444/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND
thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch tổ chức tuyển
dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận,
huyện, thị xã của thành phố Hà Nội năm 2020;*

*Căn cứ Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 25/12/2020 của UBND quận
Hoàn Kiếm về việc tổ chức xét tuyển viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục
mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trực thuộc UBND quận Hoàn Kiếm
năm 2020;*

*Xét đề nghị của Hội đồng xét tuyển viên chức giáo dục năm 2020 tại Tờ
trình số 31/TTr-HĐXTVC ngày 12/4/2021 về việc đề nghị công nhận kết quả
tuyển dụng viên chức giáo dục năm 2020;*

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ quận Hoàn Kiếm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả tuyển dụng Kỳ xét tuyển viên chức làm việc tại
các cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập trực thuộc
UBND quận Hoàn Kiếm năm 2020 (có danh sách chi tiết kèm theo).

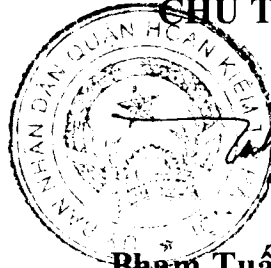
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND quận, Trưởng phòng Nội vụ quận,
Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách
nhiệm thi hành Quyết định này./. *Thuan*

Nơi nhận:

- UBND thành phố Hà Nội;
- Sở Nội vụ; Sở Giáo dục & Đào tạo;
- Thường trực Quận ủy;
- Thường trực HĐND quận;
- Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Nội vụ,
phòng GD&ĐT;
- UBND 18 phường;
- Các trường học thuộc quận;
- Lưu: VT, NV.

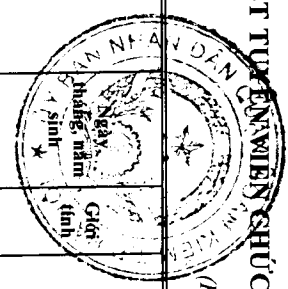
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *Thuan*



Phạm Tuấn Long

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN CÔNG NHÂN VIÊN CHỨC LÀM VIỆC TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND QUẬN HOÀN KIẾM NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND quận Hoàn Kiếm)



Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng, năm sinh Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Kết quả điểm			Kết quả		
												Diện ưu tiên	Diện ưu tiên			Tổng điểm	
													Diện ưu tiên	Điểm phỏng vấn thực hành			
KHÔI MÀU GIÁO, MÀM NON																	
1	MN - 01	Nguyễn Mai	Phuong	15/12/1998	Nữ	CĐ	CQ	GD Mầm non - SP Mỹ thuật	GV	MN	0	1-6		77	77	Trúng tuyển	
2	MN - 02	Phạm Thị	Thiên	14/01/1992	Nữ	CĐ	CQ	Sư phạm GD Mầm non	GV	MN	0	1-6		68	68	Trúng tuyển	
3	MN - 03	Hà Minh	Huyền	09/5/1998	Nữ	CĐ	CQ	Giáo dục Mầm non	GV	MN	0	20-10		70	70	Trúng tuyển	
4	MN - 04	Hoàng Thị Hải	Anh	31/7/1998	Nữ	CĐ	CQ	Giáo dục Mầm non	GV	MN	0	Bình Minh		71.5	71.5	Trúng tuyển	
5	MN - 05	Nguyễn Thị	Ngân	17/02/1994	Nữ	DH	VLVH	Giáo dục Mầm non	GV	MN	0	Đình Tiên Hoàng		59.5	59.5	Trúng tuyển	
6	MN - 06	Vũ Thanh	Ngân	28/3/1998	Nữ	CĐ	CQ	Sư phạm Mầm non	GV	MN	0	Đình Tiên Hoàng		64	64	Trúng tuyển	
7	MN - 07	Nguyễn Thị	Quỳnh	04/12/1998	Nữ	CĐ	CQ	Sư phạm Mầm non	GV	MN	0	Đình Tiên Hoàng		69	69	Trúng tuyển	
8	MN - 08	Lê Thủy	Dương	04/01/1998	Nữ	CĐ	CQ	Giáo dục Mầm non	GV	MN	0	Hoa Hồng		76.5	76.5	Trúng tuyển	
9	MN - 09	Bùi Thị	Ngọc	23/6/1998	Nữ	CĐ	CQ	Sư phạm GD Mầm non	GV	MN	0	Hoa Hồng		60	60	Trúng tuyển	
10	MN - 10	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	09/4/1999	Nữ	CĐ	CQ	Giáo dục Mầm non	GV	MN	0	Hoa Hồng		70	70	Trúng tuyển	
11	MN - 11	Lê Thị Thanh	Nhân	23/9/1999	Nữ	CĐ	CQ	Giáo dục Mầm non	GV	MN	0	Hoa Hồng		79	79	Trúng tuyển	
12	MN - 12	Đinh Trần Khánh	Linh	12/3/1999	Nữ	CĐ	CQ	Giáo dục Mầm non	GV	MN	0	Hoa Mi		61	61	Trúng tuyển	
13	MN - 13	Nguyễn Huệ	Anh	22/7/1996	Nữ	CĐ	CQ	Giáo dục Mầm non	GV	MN	0	Hoa Sen		59.5	59.5	Trúng tuyển	
14	MN - 14	Nguyễn Thị Thương	Huyền	19/9/1976	Nữ	CĐ	VLVH	Giáo dục Mầm non	GV	MN	0	Hoa Sen	DTTS	5	64	69	Trúng tuyển
15	MN - 15	Nguyễn Thị	Thu	09/05/1994	Nữ	CĐ	CQ	Giáo dục Mầm non	GV	MN	0	Mãng Non			65	65	Trúng tuyển
16	MN - 16	Nguyễn Lê	Giang	16/1/1998	Nữ	CĐ	CQ	Giáo dục Mầm non	GV	MN	0	Quang Trung			65	65	Trúng tuyển
17	MN - 17	Hoàng Thu	Thủy	07/6/1997	Nữ	CĐ	CQ	Giáo dục Mầm non	GV	MN	0	Sao Sáng			51	51	Trúng tuyển
18	MN - 18	Đinh Thị	Giang	27/6/1982	Nữ	CĐ	CQ	Sư phạm GD Mầm non	GV	MN	0	Thăng Tâm	CTB	5	45	50	
19	MN - 19	Hoàng Thị Hồng	Nhung	11/3/1995	Nữ	CĐ	CQ	Sư phạm Mầm non	GV	MN	0	Thăng Tâm			57.5	57.5	Trúng tuyển
20	MN - 20	Nghiêm Thị Hà	Trang	06/3/1998	Nữ	DH	CQ	Giáo dục Mầm non	GV	MN	0	Tuổi Thơ			70	70	Trúng tuyển

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Kết quả điểm			Kết quả
														Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn thực hành	Tổng điểm	
KHỐI TIỂU HỌC																	
1	TH - 01	Ngô Minh Huyền	12/01/1994	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Điện Biên			68	68	Trúng tuyển
2	TH - 02	Nguyễn Thị Thu Huyền	13/02/1995	Nữ	Phúc Tân, Hoàn Kiếm	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Hồng Hà			56.5	56.5	Trúng tuyển
3	TH - 03	Nguyễn Hoài Thu	18/10/1998	Nữ	Ngã Tư Sở, Đống Đa	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Hồng Hà			61	61	Trúng tuyển
4	TH - 04	Lưu Thị Thủy Dung	23/8/1998	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Nguyễn Bá Ngọc			58.5	58.5	Trúng tuyển
5	TH - 05	Nguyễn Minh Châu	23/10/1998	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Phúc Tân			68	68	Trúng tuyển
6	TH - 06	Vì Thị Mai Hồng	07/12/1998	Nữ	Phú Thọ	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Phúc Tân			51	51	
7	TH - 07	Trương Thị Huệ	03/3/1994	Nữ	Phúc Tân, Hoàn Kiếm	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Phúc Tân			48.5	48.5	
8	TH - 08	Trần Ngọc Huyền	26/02/1998	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Phúc Tân			71.5	71.5	Trúng tuyển
9	TH - 09	Nguyễn Thị Loan	16/4/1987	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Phúc Tân			65	65	Trúng tuyển
10	TH - 10	Vũ Thị Nga	29/6/1979	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Phúc Tân			51.5	51.5	
11	TH - 11	Phạm Hồng Nhung	05/4/1990	Nữ	Hàng Trống, Hoàn Kiếm	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Phúc Tân			62.5	62.5	Trúng tuyển
12	TH - 12	Nguyễn Thị Phấn	18/7/1977	Nữ	Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm	ĐH	VLVH	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Phúc Tân			48.5	48.5	
13	TH - 13	Trương Minh Thu	20/6/1998	Nữ	Văn Miếu, Đống Đa	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Phúc Tân			64	64	Trúng tuyển
14	TH - 14	Nguyễn Anh Thư	23/12/1992	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Phúc Tân			67.5	67.5	Trúng tuyển
15	TH - 15	Hoàng Thu Trang	24/5/1994	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Phúc Tân			60.5	60.5	
16	TH - 16	Nguyễn Thị Thủy Trang	21/8/1996	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Phúc Tân			57.5	57.5	
17	TH - 17	Lê Đăng Hà Thanh	03/03/1998	Nữ	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Thăng Long			60.5	60.5	Trúng tuyển
18	TH - 18	Nguyễn Trúc Anh	28/6/1996	Nữ	Quảng An, Tây Hồ	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Trần Quốc Toàn			72.5	72.5	Trúng tuyển
19	TH - 19	Bùi Thị Hương	01/02/1993	Nữ	Xuân La, Tây Hồ	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Trần Quốc Toàn			53.5	53.5	
20	TH - 20	Nguyễn Khanh Linh	16/12/1996	Nữ	Thanh Mỹ, Sơn Tây	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Trần Quốc Toàn			71.5	71.5	Trúng tuyển
21	TH - 21	Phạm Thị Mỹ Linh	28/7/1998	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Trần Quốc Toàn			66	66	Trúng tuyển
22	TH - 22	Lâm Thị Ngọc Anh	16/11/1998	Nữ	Ninh Hiệp, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Tràng An			69	69	Trúng tuyển
23	TH - 23	Nguyễn Trần Quỳnh Anh	15/11/1996	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Tràng An			66	66	Trúng tuyển

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên	Kết quả điểm			Kết quả
														Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn thực hành	Tổng điểm	
24	TH - 24	Đặng Minh Hằng	20/1/1993	Nữ	Cai Lính, Đông Đa	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Tầng An	CĐCB	5	52	57	
25	TH - 25	Đặng Thị Phương Linh	24/7/1994	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây	Ths	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Tầng An			61	61	Trúng tuyển
26	TH - 26	Trần Mỹ Linh	19/1/1998	Nữ	Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Tầng An			62	62	Trúng tuyển
27	TH - 27	Nguyễn Thu Phương	12/6/1995	Nữ	Cua Nam, Hoàn Kiếm	DH	CQ	Giáo dục Tiểu học	GV	TH	1	Tầng An			68	68	Trúng tuyển
28	TH - 28	Nguyễn Thị Thu Hà	15/4/1984	Nữ	Đôi Cánh, Ba Đình	DH	TC	Sư phạm Tiếng anh	GV	Anh	1	Điện Biên			31.5	31.5	
29	TH - 29	Nguyễn Thị Hằng	16/9/1986	Nữ	Tiền Dương, Đông Anh	DH	CQ	Nghôn ngữ Anh (CC NVSP)	GV	Anh	1	Điện Biên			41	41	
30	TH - 30	Phạm Hồng Nhung	29/8/1979	Nữ	Phượng Liễn, Đông Đa	DH	CQ	Tiếng Anh (CC NVSP)	GV	Anh	1	Điện Biên			51	51	Trúng tuyển
31	TH - 31	Nguyễn Minh Phương	11/11/1990	Nữ	Thương Đình, Thanh Xuân	DH	VLVH	Sư phạm Tiếng anh	GV	Anh	1	Nguyễn Du			71.5	71.5	Trúng tuyển
32	TH - 32	Phạm Thủy Hằng	31/01/1997	Nữ	Thái Bình	DH	CQ	Sư phạm Tiếng anh	GV	Anh	1	Phúc Tân			47	47	
33	TH - 33	Đặng Thị Mỹ Loan	27/8/1978	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	DH	VLVH	Sư phạm Tiếng anh	GV	Anh	1	Phúc Tân			48.5	48.5	
34	TH - 34	Đào Thị Thanh Lý	26/7/1992	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên	DH	CQ	Nghôn ngữ Anh (CC NVSP)	GV	Anh	1	Thăng Long			70	70	
35	TH - 35	Lê Thị Kiều Trang	01/12/1991	Nữ	Hoàng Kim, Mê Linh	DH	CQ	Sư phạm Tiếng anh	GV	Anh	1	Thăng Long			71.5	71.5	Trúng tuyển
36	TH - 36	Ngô Minh Hiếu	01/4/1997	Nam	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng	DH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Chương Dương			55	55	Trúng tuyển
37	TH - 37	Hoàng Hà Phúc	26/01/1997	Nam	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	DH	CQ	Huấn luyện thể thao (CCNVSP)	GV	GDTC	1	Điện Biên			71	71	Trúng tuyển
38	TH - 38	Nguyễn Thị Xuân	05/1/1996	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì	DH	CQ	Giáo dục Thể chất (CC NVSP)	GV	GDTC	1	Điện Biên			71	71	Trúng tuyển
39	TH - 39	Nguyễn Như Huy	03/12/1993	Nam	Long Biên, Long Biên	DH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Nguyễn Bá Ngọc	DTTS	5	53	58	Trúng tuyển
40	TH - 40	Nguyễn Thắng Nam	08/4/1989	Nam	Bồ Đề, Long Biên	DH	CQ	Sư phạm TDĐT	GV	GDTC	1	Nguyễn Du			52	52	Trúng tuyển
41	TH - 41	Bùi Quang Thiệu	06/9/1994	Nam	Tam Hiệp, Thanh Trì	DH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Thăng Long	DTTS	5	Bỏ thi		
42	TH - 42	Chu Thị Thu	01/1/1995	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức	DH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	1	Thăng Long			53	53	Trúng tuyển
43	TH - 43	Nguyễn Anh Đào	17/5/1992	Nữ	Bưởi, Tây Hồ	DH	CQ	Sư phạm Mỹ thuật	GV	Hoa	1	Nguyễn Bà Ngọc			47.5	47.5	
44	TH - 44	Nguyễn Thị Bích	21/1/1986	Nữ	Chương Dương, Hoàn Kiếm	DH	VLVH	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	1	Chương Dương			44.5	44.5	
45	TH - 45	Nguyễn Thị Hải Yến	13/11/1997	Nữ	Vân Hà, Phúc Thọ	DH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	1	Điện Biên			66.5	66.5	Trúng tuyển
46	TH - 46	Hà Thị Ngọc Ánh	07/01/1993	Nữ	Ngô Quyền, Sơn Tây	DH	CQ	Sư phạm Âm nhạc	GV	Nhạc	1	Phúc Tân			68.5	68.5	Trúng tuyển
47	TH - 47	Phạm Thị Bích Phương	04/5/1990	Nữ	Cua Nam, Hoàn Kiếm	DH	CQ	Sư phạm Tin học	GV	Tin	1	Điện Biên			71	71	Trúng tuyển

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Kết quả điểm			Kết quả
														Điểm ưu tiên	Điểm phòng vấn thực hành	Tổng điểm	
48	TH - 48	Đinh Thị Diệu	Hương	Nữ	Ninh Bình	ĐH	CQ	Sư phạm Tin học	GV	Tin	1	Quang Trung			46	46	
49	TH - 49	Nguyễn Thị Tươi	04/6/1986	Nữ	Phúc La, Hà Đông	ĐH	CQ	Sư phạm Tin học	GV	Tin	1	Trần Quốc Toàn			67.5	67.5	Trúng tuyển
50	TH - 50	Đặng Phương Thúy	14/9/1993	Nữ	Nam Định	ĐH	CQ	Sư phạm Tin học	GV	Tin	1	Tràng An			48.5	48.5	
KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ																	
1	THCS - 01	Vũ Đức Hạnh	Thảo	Nữ	Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Chương Dương		Bỏ thi			
2	THCS - 02	Nguyễn Thanh Thúy	22/11/1997	Nữ	Hàng Bót, Đống Đa	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Chương Dương			74.5	74.5	Trúng tuyển
3	THCS - 03	Nguyễn Minh Ngọc	8/11/1995	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng anh	GV	Anh	2	Ngô Sĩ Liên			72	72	Trúng tuyển
4	THCS - 04	Đào Thu Hương	16/6/1998	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Nguyễn Du			74	74	Trúng tuyển
5	THCS - 05	Quách Minh Nguyệt	16/6/1980	Nữ	Đình Công, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Tiếng anh (CC NVSP)	GV	Anh	2	Nguyễn Du			46.5	46.5	
6	THCS - 06	Nguyễn Phương Dung	06/8/1997	Nữ	Gia Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng anh	GV	Anh	2	Trung Vương			75	75	Trúng tuyển
7	THCS - 07	Nguyễn Thảo Nhung	23/01/1998	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng anh	GV	Anh	2	Trung Vương			63	63	
8	THCS - 08	Bùi Bích Phương	14/12/1998	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng anh	GV	Anh	2	Trung Vương			49	49	
9	THCS - 09	Bùi Văn Anh	23/9/1996	Nữ	Hàng Bưởi, Hoàn Kiếm	ĐH	VL VH	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Nguyễn Du			75	75	Trúng tuyển
10	THCS - 10	Ngô Thị Cúc	24/01/1996	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín	ĐH	CQ	Giáo dục Công dân	GV	GDCD	2	Ngô Sĩ Liên			63.5	63.5	
11	THCS - 11	Nguyễn Thị Huyền Trang	13/11/1993	Nữ	Đông Nhân, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Giáo dục Công dân	GV	GDCD	2	Ngô Sĩ Liên			75.5	75.5	Trúng tuyển
12	THCS - 12	Hoàng Thị Tuyền	20/01/1994	Nữ	Lạng Sơn	ĐH	CQ	Giáo dục Công dân	GV	GDCD	2	Nguyễn Du	DTTS	5	44.5	49.5	
13	THCS - 13	Lương Minh Thư	12/6/1998	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa	ĐH	CQ	Sư phạm GDCD	GV	GDCD	2	Trung Vương			56.5	56.5	Trúng tuyển
14	THCS - 14	Nguyễn Thị Thu Phương	06/9/1985	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa	ĐH	CQ	Sư phạm Thể dục thể thao	GV	GDTC	2	Chương Dương			68	68	Trúng tuyển
15	THCS - 15	Đào Quang Trung	23/12/1991	Nam	Ngọc Hà, Ba Đình	ĐH	CQ	Giáo dục Thể chất (CC NVSP)	GV	GDTC	2	Hoàn Kiếm			63.5	63.5	Trúng tuyển
16	THCS - 16	Trương Khánh Linh	11/10/1993	Nữ	Giảng Võ, Ba Đình	ĐH	CQ	Huấn luyện thể dục (CC NVSP)	GV	GDTC	2	Ngô Sĩ Liên			70.5	70.5	Trúng tuyển
17	THCS - 17	Bùi Văn Điền	17/10/1984	Nam	Trung Văn, Nam Từ Liêm	ĐH	CQ	Sư phạm TDTT	GV	GDTC	2	Trung Vương	DTTS	5	26.5	31.5	
18	THCS - 18	Trần Thị Hồng Hà	15/12/1992	Nữ	Thịnh Quang, Đống Đa	ĐH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	2	Trung Vương			72	72	Trúng tuyển
19	THCS - 19	Đào Xuân Hiệp	26/6/1994	Nam	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy	ĐH	CQ	Giáo dục Thể chất	GV	GDTC	2	Trung Vương			74.5	74.5	Trúng tuyển
20	THCS - 20	Nguyễn Thụy Linh	23/6/1994	Nữ	Thái Nguyên	ĐH	CQ	Huấn luyện thể thao (CC NVSP)	GV	GDTC	2	Trung Vương			55.5	55.5	

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên		Kết quả điểm		Kết quả
													Diện ưu tiên	Diểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn thực hành	Tổng điểm	
21	THCS - 21	Đương Thị Thu	Trang	05/01/1990	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai	DH	VLVH	Sư phạm kỹ thuật	GV	KTCN	2	Trung Vương		29.5	29.5	
22	THCS - 22	Nguyễn Ngọc Linh	10/5/1995	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm	DH	CQ	Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	GV	KTNN	2	Trung Vương			24	24	
23	THCS - 23	Nguyễn Hoàng Phương	28/3/1995	Nam	hàng Xuân Trung, Thanh Xuâ	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Chương Dương			60.5	60.5	
24	THCS - 24	Nguyễn Ngọc Quân	27/12/1993	Nam	Hàng Gai, Hoàn Kiếm	Ths	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Chương Dương			83	83	Trúng tuyển
25	THCS - 25	Hoàng Nguyễn Quỳnh Anh	18/9/1996	Nữ	Liễu Giai, Ba Đình	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Nguyễn Du			70.5	70.5	Trúng tuyển
26	THCS - 26	Nguyễn Phan Anh	29/4/1996	Nam	Trung Hòa, Cầu Giấy	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Trung Vương			73.5	73.5	Trúng tuyển
27	THCS - 27	Nguyễn Thu Hà	20/11/1994	Nữ	Định Công, Hoàng Mai	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Trung Vương			68	68	
28	THCS - 28	Nguyễn Khanh Huyền	01/10/1991	Nữ	Nam Định	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Trung Vương			Bò thi		
29	THCS - 29	Nguyễn Thị Hải Yến	28/9/1997	Nữ	Ninh Bình	DH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Trung Vương			64.5	64.5	
30	THCS - 30	Phùng Thị Hải Huyền	07/7/1994	Nữ	Phủ Phương, Ba Vì	Ths	CQ	Sinh học (CC NVSP)	GV	Sinh	2	Nguyễn Du			70	70	Trúng tuyển
31	THCS - 31	Nguyễn Thị Thuý Dung	13/8/1994	Nữ	Đông Quang, Quốc Oai	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Trung Vương			51	51	
32	THCS - 32	Đặng Thị Ngọc Hân	25/7/1994	Nữ	Dại Nghĩa, Mỹ Đức	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Trung Vương			57	57	
33	THCS - 33	Nguyễn Thị Mai n	11/11/1995	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Trung Vương			61	61	Trúng tuyển
34	THCS - 34	Nguyễn Thị Phương Liên	24/8/1989	Nữ	Canh Nâu, Thạch Thái	DH	CQ	Sư phạm Sinh	GV	Sinh	2	Trung Vương			Bò thi		
35	THCS - 35	Nguyễn Thuý Linh	05/8/1996	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Trung Vương			52.5	52.5	
36	THCS - 36	Nguyễn Thị Thanh Mai	27/4/1996	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức	DH	VLVH	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Trung Vương			71	71	Trúng tuyển
37	THCS - 37	Nguyễn Thị Hồng Ngát	14/11/1992	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Trung Vương			75	75	Trúng tuyển
38	THCS - 38	Đỗ Thuý Vân	21/5/1998	Nữ	Thạch Tân, Quốc Oai	DH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Trung Vương			56	56	
39	THCS - 39	Hà Thị Thu Huyền	27/12/1996	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức	DH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Ngô Sĩ Liên			72.5	72.5	Trúng tuyển
40	THCS - 40	Lê Thị Năm	25/9/1990	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai	DH	CQ	Lịch sử (CC NVSP)	GV	Sử	2	Ngô Sĩ Liên			50	50	
41	THCS - 41	Đương Thị Nga	15/02/1994	Nữ	Vân Canh, Hoài Đức	DH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Ngô Sĩ Liên			75	75	Trúng tuyển
42	THCS - 42	Nguyễn Thị Hồng Vân	17/7/1997	Nữ	Minh Quang, Ba Vì	DH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Ngô Sĩ Liên			48.5	48.5	
43	THCS - 43	Đinh Mạnh Chiến	19/8/1993	Nam	Mỹ Thành, Mỹ Đức	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chương Dương			57	57	
44	THCS - 44	Trương Thành Đạt	16/01/1995	Nam	Tư Hiệp, Thanh Trì	DH	VLVH	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Chương Dương			41	41	

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Kết quả điểm			Kết quả
														Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn thực hành	Tổng điểm	
45	THCS - 45	Trần Thị Hoa	25/02/1994	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chương Dương				Bò thi	
46	THCS - 46	Nguyễn Mỹ Linh	11/11/1994	Nữ	Xuân Phương, Nam Từ Liêm	ĐH	CQ	Toán học (CCNVSP)	GV	Toán	2	Chương Dương	CBB	5	74	79	Trúng tuyển
47	THCS - 47	Ninh Thị Thu Lý	09/12/1987	Nữ	Đỗ Xá, Thương Tín	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Chương Dương			42.5	42.5	
48	THCS - 48	Ngô Thị Thiên Trang	19/01/1995	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chương Dương			55.5	55.5	
49	THCS - 49	Nguyễn Thị Huyền Trang	16/02/1993	Nữ	Quang Trung, Phú Xuyên	Ths	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Chương Dương			49.5	49.5	
50	THCS - 50	Nguyễn Thị Hoàng Yến	25/10/1993	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chương Dương			64.5	64.5	
51	THCS - 51	Vũ Thị Yến	23/3/1993	Nữ	Quảng Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Chương Dương			46	46	
52	THCS - 52	Nguyễn Thanh Hà	06/6/1994	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Du			69.5	69.5	
53	THCS - 53	Nguyễn Trung Kiên	18/11/1987	Nam	Nghĩa Tân, Cầu Giấy	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Du			76.5	76.5	Trúng tuyển
54	THCS - 54	Đặng Thành Nam	10/9/1995	Nam	Thổ Quan, Đống Đa	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Du			66.5	66.5	
55	THCS - 55	Phùng Thị Ngân	14/10/1993	Nữ	Đại Cường, Ứng Hòa	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Nguyễn Du			59	59	
56	THCS - 56	Nguyễn Thị Hải Như	18/01/1993	Nữ	Bắc Ninh	Ths	CQ	Toán Ứng dụng (DH - SP Toán, Lý)	GV	Toán	2	Nguyễn Du				Bò thi	
57	THCS - 57	Hoa Hồng Nhung	01/4/1998	Nữ	Nguyễn Trung Trục, Ba Đình	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Du			37.5	37.5	
58	THCS - 58	Nguyễn Hồng Nhung	17/11/1993	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Du			47	47	
59	THCS - 59	Quách Minh Tâm	15/01/1994	Nữ	Thanh Nhân, Hai Bà Trưng	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Du			50	50	
60	THCS - 60	Nguyễn Thu Thủy	22/8/1989	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Du			51.5	51.5	
61	THCS - 61	Nguyễn Thị Tinh	10/02/1992	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Du			61.5	61.5	
62	THCS - 62	Lê Hoàn Trang	13/01/1996	Nữ	Phổ Huế, Hai Bà Trưng	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Du			69	69	
63	THCS - 63	Nguyễn Thị Anh	19/8/1991	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thanh Quan			56	56	
64	THCS - 64	Phạm Thị Hồng Ánh	02/9/1993	Nữ	Thương Thanh, Long Biên	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thanh Quan			70	70	
65	THCS - 65	Dương Thanh Mai	26/4/1989	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thanh Quan			34	34	
66	THCS - 66	Nguyễn Kim Chi	19/12/1995	Nữ	Hàng Bò, Hoàn Kiếm	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thanh Quan			61.5	61.5	
67	THCS - 67	Lã Mỹ Linh	27/7/1994	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thanh Quan			55.5	55.5	
68	THCS - 68	Tạ Mỹ Linh	13/12/1994	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai	ĐH	VLVH	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Thanh Quan			69.5	69.5	

Số TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên	Kết quả điểm			Kết quả
														Điểm ưu tiên	Điểm phòng văn thực hành	Tổng điểm	
69	THCS - 69	Trần Tuyết Ngân	17/9/1993	Nữ	Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm	Ths	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thanh Quan			61	61	
70	THCS - 70	Nguyễn Thị Hà Trang	19/7/1998	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng	DH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thanh Quan			73	73	Trúng tuyển
71	THCS - 71	Hàn Minh Thu	25/6/1986	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ	DH	VLVH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Lợi			55	55	Trúng tuyển
72	THCS - 72	Nguyễn Vũ Minh Hằng	03/11/1994	Nữ	Trúc Bạch, Ba Đình	Ths	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngô Sĩ Liên			71	71	Trúng tuyển
73	THCS - 73	Nguyễn Thị Thanh Hương	30/9/1996	Nữ	Minh Quang, Ba Vì	DH	VLVH	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngô Sĩ Liên			50.5	50.5	
74	THCS - 74	Đình Thuý Linh	06/10/1998	Nữ	Quang Trung, Đống Đa	DH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Nguyễn Du			60	60	
75	THCS - 75	Trần Minh Tùng	12/10/1991	Nam	Phố Huế, Hai Bà Trưng	Ths	CQ	Văn học Việt Nam (DH - SP Ngữ văn CLC)	GV	Văn	2	Nguyễn Du			79	79	Trúng tuyển
76	THCS - 76	Dương Quang Dũng	23/9/1997	Nam	Lê Chi, Gia Lâm	DH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Trung Vương			55.5	55.5	
77	THCS - 77	Đoàn Thị Hạnh	15/5/1989	Nữ	Vĩnh Phúc	DH	CQ	Văn học (CC NVSP)	GV	Văn	2	Trung Vương			59.5	59.5	
78	THCS - 78	Hoàng Thị Huế	10/10/1995	Nữ	Hà Giang	DH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Trung Vương			48.5	48.5	
79	THCS - 79	Lê Đỗ Tuấn Hưng	22/02/1998	Nam	Thụy Khuê, Tây Hồ	DH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Trung Vương			76	76	Trúng tuyển
80	THCS - 80	Trình Minh Hương	15/5/1982	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	DH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Trung Vương			Bỏ thi		
81	THCS - 81	Phạm Thanh Mai	25/7/1996	Nữ	Thạch Xá, Thạch Thất	DH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Trung Vương			Bỏ thi		
82	THCS - 82	Nguyễn Thị Nhung	09/11/1993	Nữ	Canh Nâu, Thạch Thất	DH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Trung Vương			Bỏ thi		
83	THCS - 83	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	24/01/1995	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông	DH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Trung Vương			Bỏ thi		
84	THCS - 84	Đình Thu Trang	26/7/1997	Nữ	Nguyễn Trung Trực, Ba Đình	DH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Trung Vương			74.5	74.5	Trúng tuyển
	D	Nhân viên															
1	NV - 01	Phan Thu Hương	01/01/1985	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân	TC	CQ	Thư viện - Thiết bị trường học	NV	TV	1	Tràng An			61	61	Trúng tuyển
2	NV - 02	Đỗ Thị Nguyệt	11/12/1998	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất	CD	CQ	Văn thư - Lưu trữ	NV	VT	2	Lê Lợi			69.5	69.5	Trúng tuyển